

Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/12/2012. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Hồ Như Q, sinh ngày 20/02/2013 và Hồ Như T, sinh ngày 08/01/2017. Hiện nay, con chung do chị N nuôi dạy. Khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

T sản chung chị N và anh T tự thỏa thuận, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Mộng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn T. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh T có địa chỉ cư trú ấp TK, xã TKH, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay ấp 2, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và có xác nhận ngày 26/4/2023 của Công an xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/12/2012. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn

nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt khi hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Bùi Mộng N và anh Hồ Văn T được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Hồ Như Q, sinh ngày 20/02/2013 (giới tính nữ) và Hồ Như T, sinh ngày 08/01/2017 (giới tính nữ). Xét thấy, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có cơ sở. Bởi vì, hiện tại con chung do chị N trực tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Hơn nữa tại đơn yêu cầu ngày 17/7/2023 cháu Q có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N. Do cháu Q đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu là phù hợp, Vì vậy, cần tiếp tục giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng không xét.

[5] Về T sản chung và nợ chung: Chị N xác định thời gian chung sống, anh chị có T sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Mộng N và anh Hồ Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Hồ Văn T có nghĩa vụ giao con chung tên Hồ Như Q, sinh ngày 20/02/2013 (giới tính nữ) và Hồ Như T, sinh ngày 08/01/2017 (giới tính nữ) cho chị Bùi Mộng N tiếp tục nuôi dạy. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp theo quy định pháp luật không ai được quyền cản trở.

3. Về T sản chung: Chị Bùi Mộng N và anh Hồ Văn T tự thỏa thuận về T sản chung nên không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Mộng N phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 02 tháng 6 năm 2023 chị N có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003665 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Thắng – Lý Quốc Cường

Nguyễn Kiều Trang